

Giải pháp tín dụng ngân hàng góp phần phát triển kinh tế biển tại tỉnh Phú Yên

ThS. TRẦN THỊ THU NGUYỆT

Học viện Ngân hàng - Phân viện Phú Yên

Thế kỷ 21 được thế giới xem như là “Thế kỷ của đại dương”. Hướng ra biển- đại dương đang là khẩu hiệu chiến lược của nhiều quốc gia. Phú Yên là một trong các tỉnh ven biển của nước ta- vốn có khá nhiều lợi thế để phát triển kinh tế biển- nên cũng không thể tách rời khỏi xu hướng này. Tuy nhiên, kinh tế biển tại Tỉnh vẫn chưa khai thác được hết các tiềm năng, thế mạnh vốn có của nó mà nguyên nhân một phần là do không đủ vốn, trong đó có vốn tín dụng ngân hàng. Bài viết phân tích thực trạng hoạt động tín dụng ngân hàng đối với sự phát triển kinh tế biển tại Phú Yên, trên cơ sở đó đưa ra một số giải pháp và kiến nghị cần thiết.

Từ khoá: *Tín dụng ngân hàng, kinh tế biển, Phú Yên.*

1. Vai trò của kinh tế biển đối với phát triển kinh tế Tỉnh Phú Yên

Phú Yên là một tỉnh duyên hải miền Trung với 189 km bờ biển được bao bọc bởi 3 mặt là núi và phía Đông là biển. Vùng biển có hệ sinh thái đa dạng và phong phú, đặc biệt là các loại thủy hải sản. Dọc bờ biển còn có nhiều vũng, vịnh, bãi tắm đẹp, các địa điểm nổi tiếng như Vịnh Xuân Đài, Vũng Rô, Đầm Ô Loan, Gành Đá Dĩa,.. Với lợi thế ở khu vực có các vùng biển nước sâu và một số vịnh kín gió, thích hợp cho việc phát triển cảng biển, vùng neo đậu tàu thuyền và hạ tầng dịch vụ nghề cá, ngành thủy sản tại Phú

Yên cũng phát triển khá và là một trong số các địa phương tiêu biểu trong phát triển kinh tế biển.

Sản lượng thủy sản năm 2014 đạt 49.000 tấn, giảm 1,8% so với năm 2013 (59.653 tấn) với giá trị sản xuất ước đạt 3.213 tỉ đồng (tăng 0,4% so năm 2013), trong đó sản lượng cá ngừ đại dương đạt 4.030 tấn (giảm 11% so với năm 2013), sản lượng nuôi trồng hơn 10.620 tấn, tăng 2,7%; riêng sản xuất giống thủy sản các loại đạt 1,56 tỉ con, tăng gấp 2,78 lần so với năm 2013. Xuất khẩu thủy sản đạt 18,52 triệu USD, tăng 9,4% so với năm 2013 (16,56 triệu USD), tốc độ tăng bình quân hàng năm 15,5%, giá trị kim ngạch xuất khẩu chiếm khoảng 55% GDP toàn tỉnh. Trong



Bảng 1. Dự báo nhu cầu vốn đầu tư phát triển tỉnh Phú Yên giai đoạn 2011 – 2020

Chỉ tiêu	ĐVT	Giai đoạn		
		2011 - 2020	2011 - 2015	2016 - 2020
Tổng nhu cầu vốn đầu tư	nghìn tỷ đồng	180	56	124
-Vốn đầu tư từ NSNN	nghìn tỷ đồng	31.7	9.7	21.9
-Vốn tín dụng	nghìn tỷ đồng	32.1	11.1	21
-Vốn của DN và dân cư	nghìn tỷ đồng	50.4	15.6	34.8
-Vốn FDI và vốn khác	nghìn tỷ đồng	66.7	20.6	46.1
Tỷ trọng	%	100	100	100
-Vốn đầu tư từ NSNN	%	17.6	17.4	17.7
-Vốn tín dụng	%	17.3	18	17
-Vốn của DN và dân cư	%	28.0	27.8	28.1
-Vốn FDI và vốn khác	%	37.1	36.8	37.2

Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên

năm 2014, cảng Vũng Rô cập cảng 398 lượt tàu, sản lượng hàng hóa qua cảng ước đạt 500 ngàn tấn, tăng 4% so với năm 2013. Dịch vụ du lịch phát triển khá, năm 2014 đã tiếp đón 750.000 lượt khách lưu trú, tăng 25% so với năm 2013, trong đó khách quốc tế đạt 77.000 lượt, tăng 40% (riêng khách Nga 12.200 lượt, tăng 40%). Doanh thu du lịch đạt 670 tỷ đồng, tăng 24%.

Trên cơ sở những kết quả đạt được trong thực tiễn phát triển kinh tế biển tại Phú Yên những năm gần đây, có thể thấy, ngành nghề này đã góp một phần khá quan trọng vào sự phát triển kinh tế- xã hội chung của toàn Tỉnh:

- Quy mô kinh tế không ngừng được mở rộng, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 12,2%/ năm cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân của nền kinh tế (6,61%).

- Là một trong những địa phương đi đầu trong cả nước về khai thác đánh bắt thủy sản, nhất là nghề khai thác cá ngừ đại dương.

- Giải quyết được công ăn việc làm cho 4.000- 4.500 người lao động, góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp tại khu vực thành thị xuống còn 5,04% vào năm 2013 và 4% vào năm 2014, qua đó, hỗ trợ tích cực trong công tác xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới tiên bộ và văn minh.

Với đóng góp vào GDP của tỉnh khoảng 45,8%, kinh tế biển được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn của Tỉnh. Theo đó, định hướng của Tỉnh đến năm 2020 là phát triển thủy sản theo hướng bền vững, toàn diện trên các mặt nuôi trồng,

khai thác, chế biến và dịch vụ hậu cần nghề cá, đồng thời đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ mũi nhọn là logistics và du lịch biển phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế, với chiến lược phát triển kinh tế biển Việt Nam, đưa mức đóng góp của khu vực này đạt 55- 60% tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu của toàn Tỉnh. Đại hội lần thứ XV của Đảng bộ Tỉnh Phú Yên đã đưa quan điểm về vốn đầu tư như sau: *“Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội cho quá trình phát triển: Huy động tối đa các nguồn vốn để đầu tư hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội. Ưu tiên phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố, ngành thực hiện tốt đầu tư xây dựng cơ bản; ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, đời sống, nhất là các ngành mũi nhọn của tỉnh như khai thác cá ngừ đại dương, du lịch biển, công nghiệp dầu khí.”*

2. Thực trạng hoạt động tín dụng ngân hàng đối với kinh tế biển

Bảng 2. Tín dụng của các ngân hàng thương mại đối với kinh tế biển trên địa bàn Tỉnh Phú Yên

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
1	Tổng dư nợ	tỷ đồng	5.517	6.801	9.702	10.578	10.534	11.456	12.757
	Tốc độ tăng trưởng	%	27,3	23,3	42,7	9,0	-0,4	8,8	11,4
2	Dư nợ KT biển	tỷ đồng	493,1	561,3	681,2	883,7	892,4	1276,1	1.778
	Tốc độ tăng trưởng	%	10,1	13,8	21,4	29,7	1,0	43,0	39,3
3	Tỷ trọng dư nợ KTB/tổng dư nợ	tỷ đồng	0,09	0,08	0,07	0,08	0,08	0,11	0,14

Nguồn: Báo cáo của Chi nhánh NHNN tỉnh Phú Yên qua các năm và tổng hợp của tác giả



Trong thời gian qua, các ngân hàng thương mại (NHTM) trên địa bàn đã nỗ lực huy động mọi nguồn vốn, đồng thời tăng cường cấp tín dụng góp phần phát triển kinh tế biển theo định hướng phát triển của Tỉnh Phú Yên. Vốn tín dụng ngân hàng đã đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho khai thác, sản xuất, thu mua, chế biến xuất khẩu thủy sản, cho vay chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về chính

sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, trong đó bao gồm cả chính sách tín dụng đối với thủy sản; Thông tư 14/2010/TT-NHNN ngày 14/6/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 về chính sách nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp; Nghị định 67/2014/NĐ-CP về một số chính sách phát triển thủy sản.

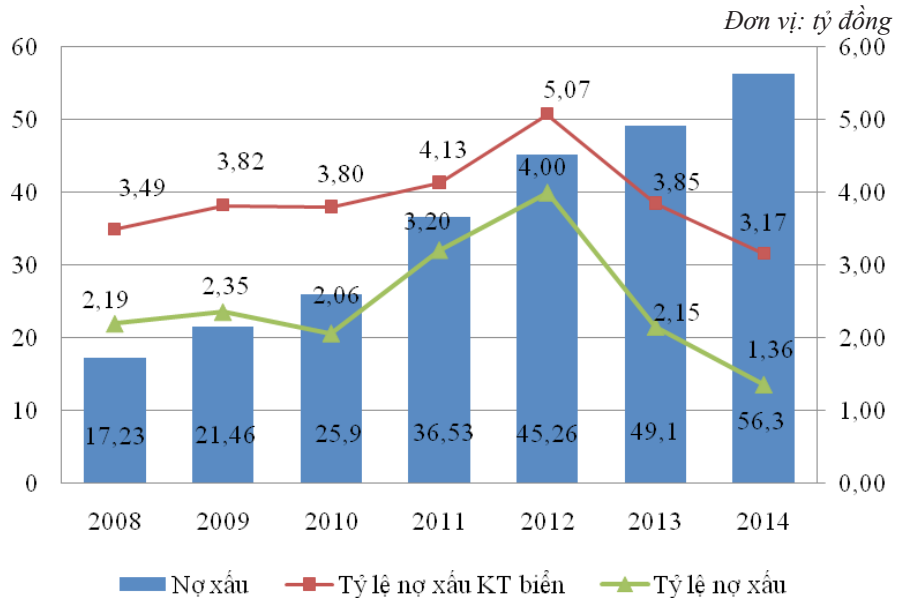
2.1. Thực trạng hoạt động tín dụng đối với phát triển kinh tế biển trên địa bàn tỉnh Phú Yên giai đoạn 2008- 2014

Về quy mô dư nợ tín dụng

Dư nợ của các NHTM trên địa bàn tỉnh Phú Yên ngày càng tăng, quy mô tín dụng không ngừng được mở rộng. Trong đó, các ngành kinh tế biển có sự tăng trưởng cao về dư nợ là nuôi trồng thủy sản, công nghiệp chế biến và du lịch biển.

Dư nợ cho các ngành kinh tế biển giai đoạn 2008- 2014 tăng liên tục qua các năm và chiếm tỷ trọng bình quân 9,7% trên tổng dư nợ với tốc độ tăng bình quân là 22,6%/năm. Riêng năm 2012 là năm khó khăn chung của ngành ngân hàng nên dư nợ cho lĩnh vực này cũng tăng trưởng kém. Năm 2014, dư nợ ngành này đã đạt 1.778 tỷ đồng, tăng 260,58% so với năm 2008. Điều

Biểu đồ 1. Nợ xấu trong cho vay kinh tế biển của các NHTM tỉnh Phú Yên



Nguồn: Báo cáo của Chi nhánh NHNN tỉnh Phú Yên và tổng hợp của tác giả

này là do trong những năm qua, nhất là từ năm 2010 và sau Festival biển- hải đảo 2011, Tỉnh đã có nhiều chính sách ưu tiên khuyến khích phát triển kinh tế biển, đặc biệt là du lịch biển đảo và khai thác đánh bắt xa bờ, trong đó nghề câu cá ngừ đại dương được chú trọng đầu tư, đồng thời tiến hành xây dựng vùng kinh tế biển và ven biển, quy hoạch các khu cảng cá, bến cá, các trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá theo tinh thần Nghị định 67, tăng cường công tác đầu tư, xúc tiến thương mại, đem lại nhiều cơ hội cho sự phát triển các ngành nghề thuộc lĩnh vực này.

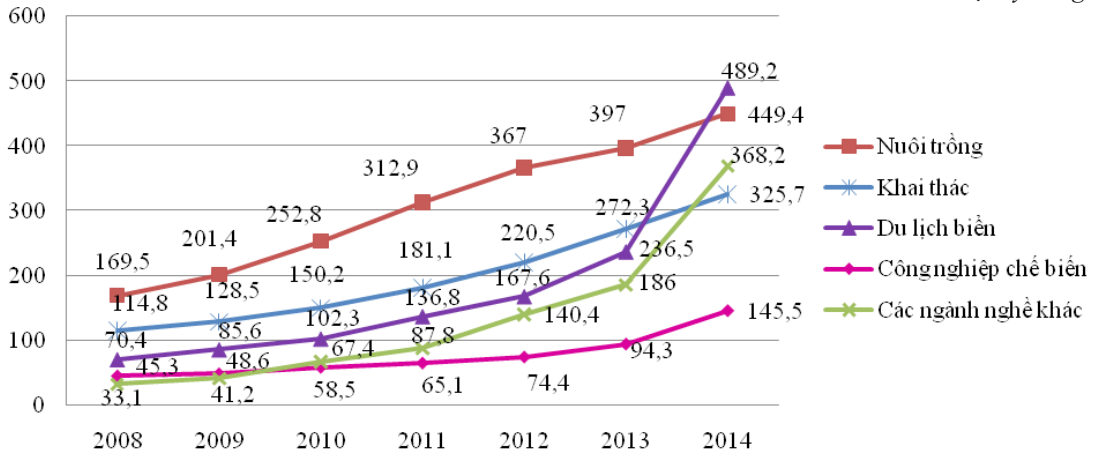
Về chất lượng tín dụng

Biểu đồ 1 cho thấy tỷ lệ nợ xấu trong cho vay kinh tế biển của các NHTM tại tỉnh Phú Yên có xu hướng gia tăng trong giai đoạn 2008- 2012 và có dấu hiệu giảm xuống vào năm 2014. Cụ thể, tỷ lệ nợ xấu từ 3,49% năm 2008 tăng lên đến 4,13% năm 2011, năm 2012 là 5,07% và giảm còn 3,85% vào năm 2013, đến cuối 2014 là 3,17%, chiếm 16,4% nợ xấu của toàn tỉnh. Như vậy, so với tỷ lệ nợ xấu trên địa bàn tỉnh, nợ xấu của khu vực kinh tế biển ở mức khá cao. Nguyên nhân chủ yếu là do ngư trường khai thác gặp nhiều khó khăn, dịch bệnh, đầu ra bấp bênh vì chưa phát triển được chuỗi cung ứng trong khi chi phí xăng dầu tăng cao nên ảnh hưởng nhiều



Biểu đồ 2. Dự nợ các ngành kinh tế biển trên địa bàn tỉnh Phú Yên giai đoạn 2008- 2014

Đơn vị: Tỷ đồng



Nguồn: Báo cáo của NHNN chi nhánh tỉnh Phú Yên và tổng hợp của tác giả

đến khả nợ.

Những số liệu trên cho thấy quy mô và tốc độ tăng trưởng tín dụng trong những năm qua tương đối phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của Phú Yên cũng như kế hoạch đề ra của tỉnh. Tuy nhiên, so với đóng góp của các ngành kinh tế biển vào GDP cũng như định hướng trong chiến lược phát triển thì vốn tín dụng đầu tư vào các ngành kinh tế biển còn chưa tương xứng, chỉ chiếm hơn 9% tổng dư nợ của toàn tỉnh, chỉ đáp ứng khoảng 50% nhu cầu của ngành này. Hơn nữa, tỷ trọng nợ xấu kinh tế biển của các NHTM trên địa bàn còn khá cao, đây cũng chính là một trong những nguyên nhân làm cho các ngân hàng e ngại cho vay trong lĩnh vực này. Chính vì vậy, để có sự tăng trưởng cao và đạt được các mục tiêu đã đề ra cho các ngành nghề kinh tế biển, đòi hỏi ngành này phải nhận được sự hỗ trợ nhiều hơn nữa từ nguồn vốn tín dụng ngân hàng.

Về cơ cấu tín dụng cho các ngành kinh tế biển

Biểu đồ 2 cho thấy, dư nợ của các ngành kinh tế biển đều tăng gần như liên tục qua các năm theo hướng phát triển tập trung các ngành nghề mũi nhọn, nhất là nuôi trồng và khai thác thủy sản. Dự nợ nuôi trồng và khai thác thủy sản tăng trưởng với tốc độ khá tốt. Năm 2008, dư nợ của 2 ngành này là 169,5 và 114,8 tỷ đồng, chiếm 65,64% trong tổng dư nợ kinh tế biển. Đến năm 2014, con số này lần lượt là 449,4 và 262,3 tỷ đồng nhưng tốc độ tăng sụt giảm nhiều, một

phần vì năm 2012 là năm khó khăn chung của toàn nền kinh tế, sang năm 2013 và 2014 thì ngư trường đánh bắt gặp nhiều khó khăn nên người dân và các doanh nghiệp khó tiếp cận được vốn vay vì không có nguồn đảm bảo, hơn nữa do bệnh dịch cũng như chi phí tăng cao, sản phẩm không có đầu ra hợp lý khiến cho các hộ kinh doanh và doanh nghiệp e ngại, không dám đầu tư mới hoặc tái đầu tư.

Dư nợ cho công nghiệp chế biến thủy sản đạt 74,4 tỷ đồng năm 2012 với tốc độ tăng 14,3% so với năm 2011 (65,1 tỷ đồng) và đạt 94,3 tỷ đồng (2013), tăng 26,7% so với 2012. Đến năm 2014, dư nợ ngành này tăng cao, đạt 145,5 tỷ đồng. Tuy nhiên, với tỷ trọng dư nợ bình quân chỉ chiếm hơn 8% tổng dư nợ cho vay kinh tế biển, trong khi nguồn lợi về khai thác và nuôi trồng thủy sản tại Phú Yên là khá phong phú cho thấy ngành chế biến thủy sản còn chưa được đầu tư tương xứng.

Về du lịch biển, tín dụng cho ngành này đã có những bước tiến mạnh với dư nợ từ 70,4 tỷ (2008) đã tăng lên 136,8 (năm 2010), 236,5 tỷ (năm 2013) và 489,2 tỷ (năm 2014), chiếm 20,2% tổng dư nợ cho kinh tế biển, gấp 6,9 lần so với năm 2008 (63,5 tỷ đồng), tốc độ tăng bình quân 41,1%/năm. Điều này cho thấy, đầu tư vào du lịch, nhất là du lịch biển đảo- thể mạnh của Tỉnh- đã đi đúng hướng theo chiến lược phát triển để trở thành lĩnh vực kinh tế mũi nhọn



trong tương lai.

Các ngành nghề kinh tế biển khác (bao gồm khai thác dầu khí, dịch vụ hậu cần nghề cá, giao nhận- vận tải biển) cũng có sự tăng trưởng qua các năm, tuy nhiên, tốc độ tăng không cao. Riêng năm 2013 và 2014, dư nợ trong lĩnh vực này tăng cao, từ 140,4 tỷ đồng năm 2012 lên 186 tỷ đồng năm 2013 và 368,2 tỷ đồng năm 2014. Điều này là do dự án cảng lọc dầu Vũng Rô đang chuẩn bị khởi công xây dựng, đồng thời có sự chú trọng trong quy hoạch các khu cảng cá, bến cá, các trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá theo tinh thần của Nghị định 67 trong thời gian vừa qua. Tuy nhiên, các ngành nghề này vẫn chưa phát triển tương xứng với tiềm năng cũng như sự phát triển của các ngành khác trong khu vực kinh tế biển toàn Tỉnh, thể hiện ở việc dư nợ để phát triển các ngành này chỉ chiếm tỷ trọng 14,8% trên tổng dư nợ kinh tế biển.

2.2. Những tồn tại trong hoạt động tín dụng ngân hàng đối với phát triển kinh tế biển

Thứ nhất, tín dụng của các NHTM chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh và đóng góp vào GDP của các ngành kinh tế biển, chưa tác động đúng mức đến yêu cầu phát triển kinh tế, phát triển kinh tế biển theo đúng định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông-lâm- thủy sản của Tỉnh. Trên địa bàn Tỉnh Phú Yên, các ngành nghề kinh tế biển, nhất là trong lĩnh vực khai thác và nuôi trồng thủy sản, người dân chủ yếu vay vốn tín dụng và sử dụng dịch vụ của các chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) theo lãi suất tín dụng thương mại thông thường, vì vậy khách hàng phải chịu lãi suất và các loại phí cao hơn. Các NHTM khác chưa thực sự mặn mà cho vay đối với lĩnh vực này.

Thứ hai, phần lớn nguồn vốn cung ứng cho phát triển kinh tế biển (khoảng 60% dư nợ) đều tập trung tại Agribank, trong khi nhiều NHTM trên địa bàn chỉ khai thác các sản phẩm truyền thống, tập trung cho vay các khách hàng lớn ở vùng đô thị mà chưa chú trọng mở mang thị trường nông nghiệp, nông thôn.

Thứ ba, nhiều ngân hàng e ngại cho vay đóng tàu đánh bắt xa bờ, bởi xử lý tài sản thế chấp khó

khăn, khó thu hồi vốn, nhiều rủi ro vì với con tàu đã khai thác vài năm, khi giao lại cho NH giá trị còn lại không nhiều; NH còn mất thêm chi phí bảo quản tài sản, thuê người bơm nước hàng ngày để tàu không bị chìm. Hơn nữa, rất ít công ty bảo hiểm nhận bảo hiểm thân tàu; nếu gặp sự cố thì rủi ro đối với bên cho vay rất lớn. Điều này hạn chế rất nhiều cho người dân trong việc tiếp cận được nguồn vốn vay từ ngân hàng.

Thứ tư, thủ tục vay vốn còn phức tạp, thời gian thẩm định cho vay còn kéo dài, thời gian cho vay chưa phù hợp, nhiều thủ tục vay vốn còn mang nặng tính hình thức. Thêm vào đó, trình độ và đạo đức nghề nghiệp của một bộ phận cán bộ tín dụng còn hạn chế nhất định đã làm ảnh hưởng không ít đến hoạt động tín dụng trong lĩnh vực này.

Thứ năm, ngư dân có nhu cầu vay để phát triển nghề, hoán cải tàu thuyền, nâng công suất tàu để hoạt động trên ngư trường khơi xa, nhưng vốn tự có thấp hoặc không có, tài sản thế chấp của ngư dân (sở hữu nhà đất) giá trị thấp, không đủ điều kiện để vay vốn, do đó thiếu các tài sản bảo đảm cho khoản vay. Hơn nữa, nơi cư trú của ngư dân đa số là trên địa bàn phường, thị trấn nên không được hưởng ưu đãi theo Nghị định số 41 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Trường hợp ngư dân đồng ý thế chấp tài sản bằng chính con tàu thì ngân hàng cũng không mặn mà bởi việc xử lý tài sản bảo đảm là con tàu gặp nhiều khó khăn về thủ tục và giá trị khi phát mãi.

Thứ sáu, sau gần 1 năm triển khai Nghị định 67 của Chính phủ ở Phú Yên, chỉ mới có 2 chủ tàu được vay vốn đóng tàu với số tiền hơn 15,8 tỉ đồng mặc dù UBND tỉnh đã xét duyệt được 19 hồ sơ đủ điều kiện. Nguyên nhân của việc giải ngân khó khăn là do ngư dân không có vốn đối ứng theo yêu cầu của Nghị định này. Theo quy định, vốn đối ứng là vốn tự có của ngư dân, theo đó người vay phải có vốn đối ứng là 30% đối với đóng mới tàu vỏ gỗ và từ 5-10% đối với đóng mới tàu vỏ thép hoặc vỏ composite. Nếu thế chấp tàu cá, nhà xưởng để vay NH thì vốn này là vốn vay chứ không phải là đối ứng. Điều này cũng làm ảnh hưởng không nhỏ đối với hoạt



động khai thác biển với công suất lớn tại địa phương.

3. Giải pháp tín dụng ngân hàng góp phần phát triển kinh tế biển tại Phú Yên

Để vốn đầu tư phát huy hiệu quả nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế thì việc bố trí vốn đầu tư cho các lĩnh vực kinh tế là hết sức cần thiết. Dự kiến vốn đầu tư cho phát triển kinh tế biển giai đoạn 2011- 2020 là 180 nghìn tỷ đồng (Bảng 1), trong đó nhu cầu vốn vay từ các NHTM chiếm khoảng 18%, điều này cho thấy tín dụng ngân hàng có vai trò quan trọng cho phát triển kinh tế biển trong những năm tới. Đây là con số không nhỏ đối với các NHTM Phú Yên trong bối cảnh các NHTM trên địa bàn Tỉnh đang nhận điều hòa vốn từ ngân hàng cấp trên và khả năng tích lũy trong các tầng lớp dân cư, doanh nghiệp ở Phú Yên còn thấp. Vì vậy, để phát triển hoạt động tín dụng ngân hàng đáp ứng nhu cầu vốn cho kinh tế biển tại Tỉnh Phú Yên, cần thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau:

Một là, Chi nhánh NHNN Tỉnh và các NHTM trên địa bàn phối hợp với Chính quyền Tỉnh Phú Yên xây dựng cơ cấu tín dụng gắn với cơ cấu kinh tế và chiến lược phát triển kinh tế biển của Tỉnh. Vốn tín dụng cần tập trung vào những ngành có giá trị gia tăng cao như: Công nghệ vi sinh, công nghiệp chế biến, cá ngừ đại dương, tôm hùm, du lịch. Đồng thời phải có chính sách hỗ trợ tín dụng để sản xuất giống, thức ăn, khoa học công nghệ, chế biến, xuất khẩu thủy sản và dịch vụ hậu cần nghề cá của vùng. Bên cạnh đó, các NHTM (không chỉ riêng Agribank) nên có chính sách tín dụng hợp lý cho hoạt động kinh tế biển.

Hai là, các NHTM cần đa dạng hóa đối tượng, sản phẩm cho vay và nâng cao chất lượng các loại dịch vụ ngân hàng. Các NHTM cần ký thỏa thuận đối với Hội nông dân, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, đồng thời đẩy mạnh việc cho vay qua các tổ, nhóm nhằm khắc phục hạn chế của cho vay theo từng hộ đơn lẻ. Đồng thời, nên có chính sách tín dụng khuyến khích các hộ gia đình, tổ hợp tác và doanh nghiệp thực hiện liên kết trong quá trình khai thác nhằm tạo ra chuỗi giá trị sản phẩm khai thác khép kín như: Đóng tàu- khai

thác- hậu cần thủy sản- tiêu thụ sản phẩm; các tour du lịch từ công ty lữ hành- công ty vận tải- các làng nghề truyền thống- các địa điểm phục vụ hải sản- cơ sở quà lưu niệm. Nếu các mô hình liên kết khép kín này được thực hiện, việc cung cấp tín dụng với điều kiện ưu đãi thêm về thời hạn, lãi suất sẽ tạo động lực để ngư dân mạnh dạn vay vốn thực hiện sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, cần đồng bộ hoá việc cho vay đóng tàu với việc cho vay mua sắm công cụ (lưới, trang thiết bị, ngư cụ,...) để phù hợp với yêu cầu thực tế.

Ba là, hoàn thiện hơn nữa quy trình cho vay và nâng cao năng lực, trình độ, đạo đức của đội ngũ cán bộ tín dụng. Việc cải tiến thủ tục vay vốn theo hướng tinh giản, gọn nhẹ nhưng vẫn tuân thủ quy trình cho vay sẽ tạo điều kiện giúp khách hàng tiếp cận nguồn vốn vay dễ dàng hơn. Nên loại bỏ, cắt giảm bớt các giấy tờ không cần thiết, giảm thời gian thẩm định hồ sơ cũng như thời gian yêu cầu khách hàng đến ngân hàng đến mức thấp nhất có thể để giảm bớt phiền hà, phức tạp trong cho vay. Bên cạnh đó, cần thường xuyên có các lớp đào tạo ngắn ngày, nhất là các lớp chuyên về phân tích tài chính, thẩm định dự án đầu tư đối với các ngành kinh tế biển để nâng cao trình độ, năng lực cho cán bộ tín dụng, đồng thời, phải chú ý đến công tác bồi dưỡng, nâng cao đạo đức nghề nghiệp của cán bộ ngân hàng, nhằm góp phần mở rộng quy mô tín dụng, bảo đảm an toàn và hiệu quả.

Bốn là, đối với vốn đối ứng theo yêu cầu của Nghị định 67, các NHTM cần áp dụng linh hoạt để tạo thuận lợi cho ngư dân theo hướng cho phép khách hàng vay đóng tàu mới nộp vốn đối ứng thành nhiều kỳ theo tiến độ thi công các hạng mục chính của con tàu. Khi cho vay vốn lưu động, cần linh hoạt hơn trong việc xem xét cho vay không có tài sản bảo đảm khi chủ tàu tham gia liên kết theo chuỗi sản xuất từ khâu khai thác, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm và ngân hàng kiểm soát được dòng tiền. Đồng thời, NHTM nên tiếp cận các chủ tàu xin vay để đánh giá năng lực tài chính, phương án sản xuất... ngay khi hồ sơ được UBND cấp xã thẩm định xong.

Để các giải pháp được triển khai đồng bộ và



hiệu quả, cần sự hỗ trợ từ Chính phủ và các Bộ ngành có liên quan về chính sách bình ổn giá xăng, dầu để giảm bớt chi phí cho ngư dân, giúp họ an tâm bám biển; chính sách ưu đãi hỗ trợ cho các ngư dân trong lĩnh vực khai thác, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, đồng thời đưa ra quy hoạch cụ thể đối với ngành thủy sản chia theo từng lĩnh vực; có cơ chế chỉ đạo bao tiêu sản phẩm với giá cả hợp lý mà ngư dân sản xuất ra để họ an tâm sản xuất và các NHTM an tâm đầu tư. Đồng thời, tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động thu mua, chế biến, xuất khẩu thủy sản.

Đối với Chính quyền tỉnh Phú Yên

Thứ nhất, nên có kế hoạch xúc tiến thành lập chợ hải sản. Đây sẽ là nơi vừa chuyên về cung cấp hải sản tươi sống, nhưng cũng sẽ là nơi sơ chế, chế biến các món ăn tương tự như một siêu thị nhỏ chuyên doanh thủy hải sản. Với cách làm này, vừa có đầu ra cho nguồn khai thác cho ngư dân, đồng thời đây cũng sẽ là địa chỉ tin cậy đáp ứng nhu cầu về thủy hải sản tươi sống cho người dân.

Thứ hai, có các chính sách thu hút lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật về làm việc tại các khu vực ngành nghề kinh tế biển để nâng cao hiệu quả hoạt động, đồng thời cần có các kế hoạch dài hơi trong việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ cho phát triển kinh tế biển.

Thứ ba, cần nhanh chóng triển khai thành lập

các Nghiệp đoàn nghề cá, các tổ hợp tác nhằm giúp bà con có chỗ dựa khi gặp khó khăn, chia sẻ được kinh nghiệm và hỗ trợ, giúp đỡ nhau cùng phát triển.

Thứ tư, đẩy mạnh hơn nữa công tác xúc tiến thương mại, hợp tác quốc tế để tìm kiếm thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu, tạo thị trường đầu ra ổn định cho sản phẩm của các ngành kinh tế biển của Việt Nam nói chung và Tỉnh Phú Yên nói riêng, tăng cường quảng bá hình ảnh quê hương, con người Phú Yên qua các sản phẩm truyền thống, đặc trưng. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương (2007), Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành trung ương khóa X về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, Văn kiện Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Khóa X. Nxb. Chính trị quốc gia.
2. Báo cáo của NHNN chi nhánh tỉnh Phú Yên qua các năm 2008-2014.
3. Catherine Zara Raymond (2005), "Maritime Security: The Singaporean Experience", Institute of Defence and Strategic Studies Singapore.
4. Daniel Georgianna (2000), *The Massachusetts Marine Economy*, Center for Policy Analysis, University of Massachusetts.
5. Kỳ yếu Hội thảo "Giải pháp hỗ trợ ngư dân phát triển kinh tế biển", Ủy ban kinh tế Quốc hội và Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, tháng 12/2013.

xem tiếp trang 39

SUMMARY

Banking credit solutions to contribute to marine economic development in Phu Yen Province

The 21st is considered as the century of ocean. Toward the sea is now the motto strategy of many countries, including Vietnam. Phu Yen is one of the coastal provinces located in South Central of Vietnam with quite a lot potential leverages to come about marine economy. However, there have been still under-developed in this sector in Phu Yen that resulted from a cause of lack of access to sources of capital, primarily credit from banks. This writing gave out a situational analysis of banking credit to marine economy in Phu Yen and then provided a number of concrete suggestions.

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Trần Thị Thu Nguyệt, Thạc sỹ

Đơn vị công tác: Học viện Ngân hàng- Phân viện Phú Yên
Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế, Tài chính- Ngân hàng
Email: tranthunguyet0910@yahoo.com



ngành nghiệp kế toán Việt Nam phù hợp với thông lệ chung được thừa nhận nhằm tạo nền tảng cho một nền kinh tế và hệ thống tài chính vận hành minh bạch, hiệu quả, đạt được sự công nhận của khu vực và quốc tế. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các CMKT quốc tế liên quan đến giá trị hợp lý và công cụ tài chính, gồm:

1. IAS số 39- Công cụ tài chính: Ghi nhận và xác định giá trị;
2. IAS số 32- Công cụ tài chính: Trình bày;
3. IFRS số 7- Công cụ tài chính: Thuyết minh thông tin;
4. IFRS số 9- Công cụ tài chính; IFRS số 13- Xác định giá trị hợp lý.

tiếp theo trang 34

một thách thức không nhỏ, vì đòi hỏi về điều kiện kỹ thuật và chi phí khá cao. Do đó, để thực hiện được điều này, Ngân hàng Nhà nước cần phải có những lộ trình nhất định, theo từng giai đoạn cụ thể, để các NHTM có thời gian chuẩn bị các điều kiện cần thiết, có thể xem xét việc thực hiện dần các yêu cầu về thanh khoản theo tiêu

SUMMARY

Updating Vietnamese Accounting Standards on fair value and financial instruments to align with international practice

Recent years have witnessed many important changes in the accounting and financial reporting practice. On the international level, the International Accounting Standards Board which issued International Financial Reporting Standards (IFRS) and International Accounting Standards (IAS) is in the process to supplement, amend and develop standards to suit with developed economy, in the direction of harmonizing generally accepted accounting principles in the United States (US GAAP) and International Financial Reporting Standards (IFRS). International Standards include 2 categories: International Accounting Standards (IAS) and International Financial Reporting Standards (IFRS).

Up to now, Vietnam has issued 26 Vietnam Accounting Standards (VAS) under 5 waves from 1999 to 2001 and has been supplemented and amended. However, the VAS recently has been assessed to be inappropriate or incomplete, not suitable with current requirements of Vietnam, as well as inconsistent with International Standards and the important reason of which is no current regulations on fair value. This article is proposing regulations over fair value and financial instruments need to be updated in Vietnamese Accounting Standards.

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Nguyễn Đại Hùng

Đơn vị công tác: Viện Nghiên cứu Lập pháp- Văn phòng Quốc hội

Lĩnh vực nghiên cứu chính:

Tạp chí tiêu biểu đã có bài viết đăng tải:

Email:

chuẩn của Basel III. Với tỷ lệ LCR đã áp dụng thì cần phải có những đánh giá xem quy định về cách tính toán như vậy có phù hợp với thực tế hoạt động của NHTM Việt Nam không? Nếu chưa phù hợp thì có những điều chỉnh cho hợp lý để đánh giá chính xác mức độ đảm bảo an toàn thanh khoản của ngân hàng thương mại. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Văn bản Basel III của Ngân hàng thanh toán quốc tế BIS.

tiếp theo trang 30

6. Nazery Khalid, Armi Suzana Zamil, Farida Farid (2008), *The Asian experience in developing the maritime sector: Some case studies and lessons for Malaysia*, Center for Economic Studies and Ocean Industries.

7. Ramli H. Nik (2007), *The South China Sea: From Hostility to Stability*, Maritime Institute of Malaysia.

8. Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Phú Yên (2011), *Báo cáo thẩm định dự án: Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng biển và ven biển Phú Yên đến năm 2020*.

9. UBND Tỉnh Phú Yên (2013), *Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020*.